

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-ST

Ngày: 12-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2020/TLST- KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; trụ sở: 89 L, phường H, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Phạm Dương T; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 1, 96 C, Phường N, Quận B, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020), có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu M; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 1, 96 C, Phường N, Quận B, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N; trụ sở: Số 1A/3, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Xuân T, chức danh: Chủ tịch công ty, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Xuân T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 2/57, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Dương T trình bày:*

Ngày 23/5/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N (gọi tắt là công ty N) ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là ngân hàng V) cấp một khoản tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ trên, ông Dương Xuân T đứng ra bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL ngày 23/5/2017.

Ngày 19/6/2019, ngân hàng V và Công ty N tiếp tục ký hợp đồng vay hạn mức số: SME/BDG/19/0057/HDHM, cụ thể:

- Theo khế ước nhận nợ lần: 01/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-01 ngày 19/6/2019 cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, lãi suất 18%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Theo khế ước nhận nợ lần: 02/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-02 ngày 22/8/2019 cho vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, lãi suất 18,1%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Theo khế ước nhận nợ lần: 03/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-03 ngày 03/10/2019 cho vay số tiền 900.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép; lãi suất 18,5%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Theo khế ước nhận nợ lần: 04/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-04 ngày 03/10/2019 cho vay số tiền 746.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép; lãi suất 18,5%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho

vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Theo khế ước nhận nợ lần: 05/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-05 ngày 29/10/2019 cho vay số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép; lãi suất 18,7%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Theo khế ước nhận nợ lần: 06/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-06 ngày 25/12/2019 cho vay số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép; lãi suất 18,5%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Theo khế ước nhận nợ lần: 07/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-07 ngày 20/01/2020 cho vay số tiền 360.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép; lãi suất 18,5%/năm điều chỉnh 01 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả trên tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm.

Để đảm bảo khoản nợ trên, ông Dương Xuân T đứng ra bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDG/19/0057/HDBL ngày 19/6/2019.

Thực hiện các thỏa thuận, ngân hàng V đã giải ngân cho công ty N số tiền vay trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty N đã trả được số tiền gốc là 1.657.000.000 đồng và tiền lãi 235.530.566 đồng. Sau đó, công ty N thực hiện trả nợ không đầy đủ như cam kết. Ngân hàng V đã nhiều lần yêu cầu công ty N thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nhưng công ty N vẫn không thực hiện và trốn tránh, cho nên ngân hàng V khởi kiện ra Tòa án.

Nay, ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty N thanh toán cho ngân hàng V tổng số tiền phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, các khế ước nhận nợ trên tính đến ngày 12/3/2021 là 4.000.397.589 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.999.000.000 đồng; lãi trong hạn: 42.995.180 đồng, lãi quá hạn: 864.712.613 đồng và lãi phạt chậm trả lãi: 93.689.796 đồng; số tiền phát sinh từ thẻ tín dụng tổng là 68.344.716 đồng, trong đó: Nợ gốc 49.000.000 đồng và tiền lãi 19.344.716 đồng; ngoài ra còn phải chịu tiền lãi phát sinh đến khi công ty N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các văn bản tín dụng đã ký kết.

Trường hợp công ty N không thanh toán các khoản nợ trên, thì ông Dương Xuân T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ vay theo hợp đồng bảo lãnh số:

01/HĐBL ngày 23/5/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDG/19/0057/HĐBL ngày 19/6/2019.

- Tại bản tự khai, người đại diện hợp pháp của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Xuân T trình bày:

Thông nhất phần trình bày của nguyên đơn về việc hai bên ký hợp đồng vay tài sản, các khế ước nhận nợ, thẻ tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, số tiền nguyên đơn cho vay và số tiền đã trả được. Do công ty gặp khó khăn trong vấn đề kinh doanh nên không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận. Cho nên, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý. Trường hợp bị đơn không trả được thì với tư cách là người bảo lãnh sẽ thay bị đơn trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết; địa chỉ của bị đơn tại: Số 1A/3, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình tố tụng: Sau khi bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án bản tự khai, Tòa án đã triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia hòa giải vào ngày 26/01/2021 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, đồng thời người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn từ chối hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ngày 19/02/2021 và ngày 12/3/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện hợp

pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu M, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất giữa các bên có ký kết các thỏa thuận tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, số tiền giải ngân, số tiền gốc và lãi trả thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi nên đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản, các khế ước nhận nợ và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa ngân hàng V với công ty N là đúng thẩm quyền, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo các hợp đồng này, ngân hàng V đã giải ngân cho công ty N vay tổng số tiền 4.656.000.000 đồng được thể hiện qua các khế ước nhận nợ ngày 19/6/2019, 22/8/2019, 03/10/2019, 03/10/2019, 29/10/2019, 25/12/2019 và ngày 20/01/2020; cấp thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 50.000.000 đồng.

Do công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, cho nên ngân hàng V khởi kiện yêu cầu công ty N phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ tính đến ngày 12/3/2021 là 4.000.397.589 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.999.000.000 đồng; lãi trong hạn: 42.995.180 đồng, lãi quá hạn: 864.712.613 đồng và lãi phạt chậm trả lãi: 93.689.796 đồng; số tiền phát sinh từ thẻ tín dụng là 68.344.716 đồng, trong đó: Nợ gốc 49.000.000 đồng và tiền lãi 19.344.716 đồng. Căn cứ vào các thỏa thuận đã được ký kết giữa hai bên, đồng thời quá trình tố tụng bị đơn thống nhất và đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 13/3/2021 cho đến khi công ty N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 23/5/2017, hợp đồng vay hạn mức số: SME/BDG/19/0057/HDHM ngày 19/6/2019, khế ước nhận nợ lần: 01/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-01 ngày 19/6/2019, khế ước nhận nợ lần: 02/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-02 ngày 22/8/2019, khế ước nhận nợ lần: 03/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-03 ngày 03/10/2019, khế ước nhận nợ lần: 04/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-04 ngày 03/10/2019, khế ước nhận nợ lần: 05/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-05 ngày 29/10/2019, khế ước nhận nợ lần: 06/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-06 ngày 25/12/2019 và khế ước nhận nợ lần: 07/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-07 ngày 20/01/2020.

Xét các hợp đồng bảo lãnh ký kết giữa ngân hàng V và ông Dương Xuân T đảm bảo người ký kết có thẩm quyền và đúng ý chí tự nguyện của ông Dương

Xuân T nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông Dương Xuân T đứng ra bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp công ty N không thanh toán được các khoản nợ trên, thì ông Dương Xuân T phải có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty N theo hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL ngày 23/5/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDG/19/0057/HDBL ngày 19/6/2019.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Các Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số nợ phát sinh từ hợp đồng vay hạn mức số: SME/BDG/19/0057/HDHM ngày 19/6/2019, khế ước nhận nợ lần: 01/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-01 ngày 19/6/2019, khế ước nhận nợ lần: 02/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-02 ngày 22/8/2019, khế ước nhận nợ lần: 03/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-03 ngày 03/10/2019, khế ước nhận nợ lần: 04/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-04 ngày 03/10/2019, khế ước nhận nợ lần: 05/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-05 ngày 29/10/2019, khế ước nhận nợ lần: 06/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-06 ngày 25/12/2019 và khế ước nhận nợ lần: 07/Số: SME/BDG/19/0057/HDHM-07 ngày 20/01/2020 tính đến ngày 12/3/2021 là 4.000.397.589 đồng (bốn tỷ ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc 2.999.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu); lãi trong hạn: 42.995.180 đồng (bốn mươi hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn một trăm tám mươi đồng), lãi quá hạn: 864.712.613 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn

sáu trăm mười ba đồng) và lãi phạt chậm trả lãi: 93.689.796 đồng (chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 13/3/2021 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N không thanh toán được các khoản nợ trên, thì ông Dương Xuân T phải có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDG/19/0057/HDBL ngày 19/6/2019.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền phát sinh từ giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 23/5/2017 tính đến ngày 12/3/2021 là 68.344.716 đồng (sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu) và tiền lãi 19.344.716 đồng (mười chín triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 13/3/2021 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 23/5/2017.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N không thanh toán được các khoản nợ trên, thì ông Dương Xuân T phải có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N theo hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL ngày 23/5/2017.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ sắt thép N phải chịu 112.068.742 đồng (một trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 54.655.000 đồng (năm mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049200 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy